

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 22 – 02 – 2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Bún

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có mặt.

Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T là bà Đỗ Thị L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 31/8/2020). Có mặt.

-Bị đơn: Bà Bùi Ngọc Th, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/7/2017 (âm lịch) bà Th có vay của vợ chồng ông, bà số tiền 60.000.000 đồng, bà Th có viết biên nhận nợ có nội dung: Vợ Tr mượn anh chị Út T số tiền 60.000.000 đồng và bà Th có ký tên trong biên nhận, thời gian vay không thể hiện trong biên nhận mà thỏa thuận bên ngoài là 03 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Khi vay tiền thì chỉ có bà Th đi, bà L trực tiếp đưa tiền cho bà Th tại nhà vợ chồng bà, bà Th nói vay về làm ruộng. Tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng. Ba tháng sau, bà L có đến nhà bà Th, ông Tr yêu cầu trả lại 60.000.000 đồng nhưng bà Th cứ hẹn lần hẹn lượt không trả. Sau đó vợ chồng bà L tiếp tục đến đòi nợ nhiều lần, có lần đến nhà đòi nợ thì có gặp ông Tr ở nhà, bà L có nói với ông Tr về số nợ 60.000.000 đồng bà Th vay thì ông Tr nói gặp vợ ông đòi. Kéo dài cho đến nay vợ chồng bà Th, ông Tr vẫn không trả nợ cho vợ chồng bà L số tiền nào.

Việc bà L, ông T đòi nợ bà Th, ông Tr thì bà L có gửi giấy đòi nợ qua đường bưu điện, đồng thời có trưởng ấp C xác nhận việc bà L có gửi đơn yêu cầu áp hòa giải số tiền bà Th nợ. Nay bà L, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th, ông Tr liên đới trả cho vợ chồng bà 60.000.000 đồng tiền gốc đã vay vì bà Th vay tiền khi bà Th, ông Tr còn là vợ chồng, vay trong thời kì hôn nhân, bà Th nói mục đích vay tiền về để làm ruộng phục vụ kinh tế trong gia đình. Lãi suất bà L và ông T không yêu cầu.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 04/12/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày: Ông Tr với bà Th là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Việc bà Th có vay tiền của bà L, ông T hay không ông không biết. Bản thân ông không vay tiền của bà L, ông T và cũng không ai cho ông biết việc vay tiền nói trên nên ông không đồng ý liên đới cùng bà Th trả nợ số tiền 60.000.000 đồng theo yêu cầu của bà L và ông T. Vào thời điểm năm 2017, ông và bà Th vẫn còn chung sống vợ chồng, việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì ông và bà Th cùng có trách nhiệm chung. Hiện tại ông và bà Th không còn sống chung, đã sống ly thân hơn một năm.

Bà Bùi Ngọc Th vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn cũng như ý kiến của ông Nguyễn Văn Tr.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Th và ông Tr liên đới nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà 60.000.000 đồng đã vay, không yêu cầu tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, bà Th chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Về nội dung: Nguyên đơn bà L, ông T khởi kiện yêu cầu bà Th, ông Tr trả số tiền vay 60.000.000 đồng và cung cấp được tài liệu chứng cứ là biên nhận vay mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Th nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận.

Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ liên đới của ông Tr: Mặc dù biên nhận không có chữ ký của ông Tr và ông Tr không đồng ý liên đới cùng bà Th trả tiền cho bà L, ông T, tuy nhiên việc bà Th vay tiền là trong thời kỳ hôn nhân với ông Tr, đồng thời không có tài liệu chứng cứ chứng minh bà Th sử dụng số tiền trên vào mục đích tiêu xài cá nhân nên ông Tr phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Th trả số tiền đã vay cho bà L, ông T theo quy định tại điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Về tiền lãi, bà L và ông T không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn bà Bùi Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng; Đồng thời, đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bị đơn bà Bùi Ngọc Th cố tình vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự còn lại để xem xét giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr trả 60.000.000 đồng tiền gốc đã vay và cung cấp tài liệu, chứng cứ là biên nhận có nội dung: Hôm nay, ngày mùng 2-7-2017, vợ Tr có mượn anh chị Út T số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu chẵn). Có ký tên người mượn là Bùi Ngọc Th.

Nhận thấy: Tuy biên nhận không thể hiện việc thỏa thuận thời gian trả tiền, lãi suất và không có chữ ký của ông Tr nhưng bà L có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ về việc bà có gửi thư đòi nợ bà Th, ông Tr có chứng thực của Bru điện Vĩnh Hưng ngày 11/5/2020 và xác nhận của Trưởng ấp Ct, xã K về việc vào ngày 20/7/2020, bà L và ông T có gửi đơn đến chính quyền ấp C, xã K yêu cầu ông Tr, bà Th trả cho ông bà số tiền 60.000.000 đồng đã vay nhưng ông Tr, bà Th không có mặt ở địa phương nên không giải quyết được. Đồng thời trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn cũng không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì trường hợp này là vay không kỳ hạn và không có lãi nên bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và nguyên đơn đã có thông báo đòi nợ vào các thời điểm ngày 11/5/200 và ngày 20/7/2020. Do đó, việc bà L và ông T yêu cầu bà Th trả cho ông bà 60.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ liên đới của ông Nguyễn Văn Tr: Mặc dù trong biên nhận nợ ngày 02/7/2017 không có chữ ký của ông Tr và ông Tr cho rằng ông không biết gì đến việc bà Th vay tiền của bà L, ông T nên ông không đồng ý cùng bà Th trả tiền theo yêu cầu của bà L, ông T. Tuy nhiên, trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 04/12/2020 ông Tr trình bày: Ông Tr với bà Th là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Vào thời điểm năm 2017, ông và bà Th vẫn còn chung sống vợ chồng, việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì ông và bà Th cùng có trách nhiệm chung. Mặt khác, theo lời trình bày của bà L thì bà Th nói với bà mục đích vay tiền để về làm ruộng là nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên ông Tr phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng bà Th trả nợ cho bà L, ông T theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tiền lãi: Do bà L, ông T không yêu cầu bà Th, ông Tr trả tiền lãi nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; Đồng thời, nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 466 và 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Xuân T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr.

Buộc bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Xuân T số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Buộc bà Bùi Ngọc Th và ông Nguyễn Văn Tr phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3.2. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Xuân T 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002673 ngày 02/10/2020.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

Huỳnh Thị Yến Linh